

Cách xử lý mềm dẻo mối quan hệ với các nước lớn của Việt Nam ở Hội nghị Genève năm 1954

- **Phạm Hồng Kiên**
- **Ngô Hồng Điệp**

Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

TÓM TẮT:

Hội nghị Genève về Đông Dương năm 1954, là một diễn đàn quốc tế đa phương, Việt Nam tham gia diễn đàn đa phương do các nước lớn chi phối nên gặp khó khăn trong việc phát huy được thế thắng trên chiến trường, rất khó giành thế chủ động trong đàm phán,

nhưng với việc đánh giá đúng tình hình, Việt Nam đã xử lý linh hoạt mối quan hệ với các nước lớn tham gia Hội nghị, đem lại những thắng lợi lớn trên mặt trận ngoại giao, qua đó cho Việt Nam bài học về xử lý mối quan hệ với các nước lớn.

Từ khóa: Việt Nam, Hội nghị Genève 1954, các nước lớn

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ 07/5/1954, Hội nghị Genève bàn về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương diễn ra từ ngày 08/5 đến 21/7/1954 Hiệp định được ký kết, với 31 phiên họp, trong đó 7 phiên toàn thể, 24 phiên họp cấp trưởng đoàn. Có 9 đoàn tham dự Hội nghị: Đoàn Liên Xô do Bộ trưởng ngoại giao Viacheslav Molotov dẫn đầu; đoàn Trung Quốc do Thủ tướng Chu Ân Lai dẫn đầu; đoàn Mỹ do Ngoại trưởng Bedell Smith dẫn đầu; đoàn Anh do Ngoại trưởng Anthony Eden dẫn đầu; đoàn Pháp do Ngoại trưởng Georges Bidault dẫn đầu; đoàn Việt Nam có đoàn Việt Nam dân chủ cộng hòa do Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu, đoàn đại diện của chính quyền Bảo Đại; đoàn Chính phủ Vương quốc Lào và đoàn Chính phủ vương quốc Campuchia.

Tại Hội thảo quốc tế Chiến thắng Điện Biên Phủ 50 năm nhìn lại (4/2004), khi nói về Hội nghị Genève nữ luật gia người Pháp Laury Anne Bellessa nhận xét: “Nếu chúng ta đi sâu vào chi tiết

các cuộc thương lượng, chúng ta sẽ nhận thấy rằng các điều khoản của Hiệp định chỉ để nhằm làm thỏa mãn các cường quốc... Vì muốn bảo vệ quyền lợi của mình ở khu vực Đông Nam Á mà các cường quốc đã tự quy định phần lớn các điều khoản trong hiệp định, không cần tính đến phản ứng của các nước Đông Dương. Không còn sự lựa chọn nào khác, các nước Đông Dương phải nhượng bộ trước các áp lực rất lớn này... Thắng lợi trên thực địa nhưng tại bàn Hội nghị, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không thể khai thác được thế mạnh quân sự của mình”. Còn Hugues Tertrais, giáo sư Đại học Pentéon Sorbone Paris 1, khẳng định: “Năm 1954, chiến thắng của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã phần nào bị ngăn trở do sức nặng của thời kỳ ‘hòa hoãn đôi bên’”. Sáu mươi năm đã qua cho phép chúng ta nhìn nhận rõ 3 vấn đề ở Hội nghị Genève đó là: Ý đồ của các nước lớn ở Hội nghị; Quan điểm, cách xử lý linh hoạt của chúng ta trong Hội nghị; và những bài học được rút ra từ Hội nghị

Genève 1954 về xử lý mối quan hệ với các nước lớn của Đảng ta.

1. Ý đồ của các nước lớn ở Hội nghị Genève về Đông Dương năm 1954

Với tư cách là người chiến thắng trên chiến trường Điện Biên Phủ, ngày 10/5/1954, đoàn đại biểu Việt Nam nêu rõ lập trường về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Đông Dương bao gồm 8 điểm: (1) Pháp công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Campuchia và Lào; (2) Ký Hiệp định về việc rút quân đội nước ngoài ra khỏi Việt Nam, Campuchia và Lào; (3) Tổ chức tổng tuyển cử tự do ở Việt Nam, Campuchia và Lào để thành lập Chính phủ thống nhất trong mỗi nước; (4) Việt Nam dân chủ cộng hòa, Campuchia và Lào bằng lòng xem xét việc tự nguyện gia nhập Liên hiệp Pháp; (5) Việt Nam dân chủ cộng hòa, Campuchia và Lào công nhận các quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp, sẽ cùng nước Pháp quy định các quyền này theo nguyên tắc bình đẳng và tôn trọng quyền lợi lẫn nhau; (6) Hai bên không khủng bố những người hợp tác với đối phương trong thời gian chiến tranh; (7) Trao đổi tù binh; (8) Ngừng bắn hoàn toàn và đồng thời trên toàn Đông Dương, điều chỉnh các vùng, đình chỉ đưa quân đội và thiết bị quân sự mới vào Đông Dương, lập ủy ban tay đôi gồm đại biểu hai bên đối phương để kiểm tra bảo đảm thực hiện Hiệp định đình chiến.

Với giải pháp 8 điểm trên đã phản ánh rõ lập trường, quan điểm đúng đắn của Việt Nam về giải quyết những lợi ích chính đáng của nhân dân Việt Nam nói riêng và nhân dân các dân tộc trên bán đảo Đông Dương nói chung. Nhưng, Hội nghị Genève do 4 nước triệu tập và có 4 nước khác tham gia, đây là một cuộc thương lượng quốc tế nhiều bên, trong đó mỗi bên đều có mục tiêu, ý đồ riêng của mình

Một là: Đối với Pháp, muốn kết thúc chiến tranh ở Đông Dương theo kiểu Triều Tiên, tức là chỉ đình chiến quân sự mà không có giải pháp chính trị. Phương án này sẽ cứu vãn quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương khỏi nguy cơ bị tiêu diệt, chia cắt

Việt Nam, đồng thời giữ được quyền lợi của Pháp ở Campuchia và Lào

Hai là: Đối với Mỹ, khi tham gia đã thể hiện lập trường khá phức tạp, thời kỳ đầu Mỹ thực hiện chính sách rắn đe, ngăn chặn mọi sự thỏa hiệp bất lợi cho phương Tây và gây trở ngại cho mưu đồ của Mỹ thay chân Pháp ở Đông Dương. Thực chất lập trường của Mỹ là chủ trương không can thiệp trực tiếp mà chỉ giúp Pháp tiếp tục cuộc chiến tranh. Khi phái chủ hòa ở Pháp nắm chính quyền, Mỹ-Anh dàn hòa, đưa ra giải pháp 7 điểm ngày 29/6/1954, coi đây là lập trường chung của phương Tây và Pháp, Mỹ tiếp tục ép Pháp cứng rắn, ngăn chặn mọi thỏa hiệp, thậm chí đe dọa mở rộng chiến tranh, là do sợ Pháp vì tình thế khó khăn mà chấp nhận một giải pháp bất lợi cho Mỹ nhảy vào Đông Dương sau này.

Ba là: Đối với Anh, có mâu thuẫn với Mỹ, phản đối việc Mỹ can thiệp vào Đông Dương, tránh bị lôi cuốn vào cuộc phiêu lưu quân sự tập thể. Anh ủng hộ Pháp theo khả năng, góp phần lập lại hòa bình ở Đông Dương có lợi cho việc củng cố “Khối thịnh vượng chung” của Anh ở Châu Á.

Bốn là: Đối với Liên Xô, mong muốn sớm chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương, góp phần giảm căng thẳng quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện đường lối đối ngoại chung sống hòa bình giữa hai hệ thống. Với cương vị đồng chủ tịch, Liên Xô đóng vai trò dàn hòa trên các vấn đề lớn nhưng tỏ ra kín đáo và cân bằng.

Năm là: Đối với Trung Quốc, được mời dự Hội nghị Genève là cơ hội vàng để thực hiện cùng lúc 3 mục tiêu lớn: (1) Thúc đẩy việc giải quyết nhanh chiến tranh Đông Dương theo tinh thần “Triều Tiên hóa”, với hy vọng dập tắt lửa cạnh nhà, đẩy Mỹ ra xa, tạo lập một khu đệm ở Đông Nam Á và ngăn chặn Mỹ thay thế Pháp ở bán đảo Đông Dương, hạn chế khả năng Mỹ can thiệp vào bán đảo này. Trung Quốc vừa tránh được nguy cơ đối diện trực tiếp với Mỹ, vừa thực hiện được vai trò bảo trợ an ninh cho cả 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia; (2) Đề cao vị

thế quốc tế của Trung Quốc, khôi phục lại vị thế một nước lớn có vai trò trong các vấn đề quốc tế, mà trước hết là ở Châu Á; (3) Mở rộng quan hệ với các nước Tây Âu, trước hết là ngoại giao và thương mại, nhằm góp phần phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, phá thế bao vây cấm vận của Mỹ¹. Mặt khác, chúng ta cũng dễ nhận thấy trong thời kỳ này, Trung Quốc là một nước lớn nhưng vị thế chính trị quốc tế của Trung Quốc còn hạn chế, chưa có chân ở Liên Hợp quốc, chưa có tư thế một nước lớn trên quốc tế.

Để thực hiện được mục tiêu đó, với tư cách là người láng giềng, người bảo trợ cho cuộc chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương, Trung Quốc tự đứng ra đóng vai trò là bên đối thoại chính, từ đó Pháp và Trung Quốc trở thành trung tâm của cuộc mặc cả, dàn xếp. Trung Quốc vin có làm thất bại sự phá hoại của Mỹ, mà sẵn sàng có những thỏa thuận, nhân nhượng trên vấn đề Việt Nam và thậm chí có những nhân nhượng quan trọng trên vấn đề Lào và Campuchia, một thành viên đoàn đàm phán của Pháp là Jacques de Folin đã viết “trên tất các vấn đề quan trọng, chính là Trung Quốc... đã ép Phạm Văn Đồng có những nhân nhượng cần thiết để đạt được thỏa thuận mà họ mong muốn”².

2. Xử lý mềm dẻo mối quan hệ với đồng minh, nước lớn của Việt Nam ở Hội nghị Genève năm 1954

Trên cơ sở nắm bắt lập trường, ý đồ chiến lược của các nước lớn, Việt Nam đã xử lý mềm dẻo thông qua tiếp xúc, trao đổi thương lượng song phương hoặc đa phương trong quá trình Hội nghị Genève. Vấn đề trước tiên được đặt ra là không để cho những bất đồng, khác biệt về quan điểm lập trường giữa các nước lớn làm hội nghị tan vỡ. Trong giai đoạn đầu, đoàn đại diện Pháp không chịu tiếp xúc với đoàn Việt Nam và phía Mỹ có nhiều biểu hiện tẩy chay hội nghị, để tránh cho cuộc đàm

phán khởi bị phá vỡ, các đoàn Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam đã quyết định tách riêng vấn đề Lào và Campuchia. Trên cơ sở này Trường đoàn Trung Quốc đưa ra đề nghị gồm 6 điểm trong cuộc tiếp xúc với Trường đoàn Anh ngày 16/6/1954 và ngày 17/6 các Trường đoàn Trung Quốc, Anh, Pháp, mở hội đàm bàn về tương lai chính trị của các lực lượng kháng chiến Pathét Lào và Campuchia. Đoàn đại diện Mỹ không chấp nhận đề nghị của Trung Quốc về Lào và Campuchia, nhưng bị cô lập vì tất cả các thành viên khác dự hội nghị đều nhất trí thương lượng những Hiệp định riêng biệt cho mỗi nước Đông Dương. Vì vậy, tiến trình hội nghị không những được khai thông mà còn có sự bảo đảm rằng ngay cả trong trường hợp Mỹ từ chối tham gia, hội nghị vẫn tiếp tục để đi đến một hiệp định đình chiến ở bán đảo Đông Dương

Từ ngày 20/6/1954 trở đi đã diễn ra nhiều sự kiện quan trọng, tác động lớn đến chiều hướng vận động của Hội nghị Gionevơ đó là: Quân viễn chinh Pháp bị sa lầy lớn trên chiến trường Đông Dương, dẫn đến sự thay thế nội các Pháp; Chính quyền Mỹ bắt đầu triển khai kế hoạch thay thế Pháp ở Đông Dương; Thủ tướng mới của Pháp Mendét Phorăng và Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai gặp nhau tại Bécnr (Thụy Sĩ ngày 23/6/1954) bàn về vấn đề phân vùng, thống nhất Việt Nam, vấn đề Lào và Campuchia, trong cuộc gặp hai bên đã đạt được giải pháp khung cho toàn bộ vấn đề Đông Dương như: chia cắt Việt Nam; hai miền Việt Nam cùng tồn tại hòa bình, giải quyết vấn đề quân sự trước; tách rời giải quyết 3 vấn đề Việt Nam, Lào, Campuchia; Trung Quốc sẵn sàng nhìn nhận 3 nước này trong khối Liên hiệp Pháp và muốn Lào, Campuchia sẽ có bộ mặt mới ở Đông Nam Châu Á như Ấn Độ, Indônêxia, yêu cầu Mỹ không có can cứ quân sự ở Đông Dương, những điểm mà những người lãnh đạo Trung Quốc thỏa thuận với Pháp rất phù hợp với giải pháp 7 điểm của Anh- Mỹ đưa ra ngày 29/6/1954, tức là 6 ngày sau cuộc tiếp xúc giữa Thủ tướng Pháp Mendét Phorăng và Thủ tướng Trung

¹ Khắc Huỳnh (2004), Hiệp định Genève sau 50 năm nhìn lại và suy ngẫm, Tạp chí Lịch sử quân sự số 7/2004, tr. 7.
² Tạp chí Pháp, Historia Special, số 28, tr. 102.

Quốc Chu Ân Lai; Trong cuộc họp, Pháp cũng tỏ ý muốn đàm phán trực tiếp với Việt Nam dân chủ Cộng hòa để giải quyết các vấn đề cụ thể.

Trước tình thế mới phức tạp, Trung ương Đảng quyết định xúc tiến hai cuộc tiếp xúc với đại diện của Pháp và Trung Quốc, là hai nước có vai trò đặc biệt quan trọng với tiến trình Hội nghị Genève. Cuộc tiếp xúc thứ nhất vào ngày 04/7/1954, giữa đoàn đại biểu Bộ tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam với đoàn đại diện bộ tổng chỉ huy các lực lượng Liên Hiệp Pháp ở Đông Dương đã diễn ra tại Trung Giã (Sóc Sơn- Hà Nội), hai bên đã thảo luận những vấn đề quân sự do Hội nghị Giơnevơ đề ra, xác định biện pháp thi hành những quyết định của Hội nghị; Cuộc tiếp xúc thứ hai diễn ra từ ngày 03-05/7/1954, ở Liễn Châu (Quảng Tây – Trung Quốc) giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Chu Ân Lai, trong cuộc tiếp xúc Việt Nam trì lập trường về vấn đề Việt Nam, Lào và Campuchia, chủ trương đòi có đại biểu của Chính phủ kháng chiến Lào và Chính phủ kháng chiến Campuchia tham dự như các bên đàm phán, định giới tuyến quân sự tạm thời ở Việt Nam là vĩ tuyến 13, tổ chức tổng tuyển cử tự do trong thời hạn 6 tháng để thống nhất nước nhà. Đối với việc giải quyết vấn đề Lào và vấn đề Campuchia, Việt Nam giữ quan điểm ở Lào có hai vùng tập kết của lực lượng kháng chiến đó là một vùng ở phía Bắc giáp với Trung Quốc và Việt Nam, một vùng ở Trung và Hạ Lào. Còn ở Campuchia có hai vùng tập kết, một ở phía Đông và Đông bắc sông Mê Kông, một ở phía Tây nam sông Mê Kông, tổ chức tổng tuyển cử tự do trong thời hạn 6 tháng ở Lào và Campuchia, nhưng những đề nghị hợp tình, hợp lý của Việt Nam đưa ra đều bị Trung Quốc gác lại. Có thể nói, từ 23/6 đến 20/7/1954, đoàn đại biểu Pháp tiến hành đàm phán trực tiếp với đoàn đại biểu Việt Nam để giải quyết vấn đề cụ thể nhưng Trung Quốc luôn giữ vai trò thúc đẩy phía Việt Nam nhân nhượng. Nhìn chung, lập trường của Trung Quốc ở Hội nghị Genève khác hẳn lập trường của Việt Nam

dân chủ cộng hòa, song lại phù hợp với lập trường của Pháp.

Sau cuộc gặp Liễn Châu, Trung ương Đảng họp Hội nghị vào trung tuần tháng 7, xác định: từ nay mọi việc của ta đều nhằm vào chống đế quốc Mỹ với phương châm là giữ vững nguyên tắc, linh hoạt về sách lược, phải đấu tranh trong một thời gian ngắn để đi đến ký kết Hiệp định đình chiến với Chính phủ Pháp, không để chính quyền Mỹ lợi dụng kéo dài Hội nghị Giơnevơ và phá hoại quá trình đàm phán. Sự điều chỉnh sách lược này là đúng đắn, cần thiết và được cụ thể hóa thành phương án chỉ đạo mới trong quá trình đàm phán của đoàn đại biểu Việt Nam dân chủ cộng hòa tại Hội nghị Giơnevơ, trên 3 nội dung cơ bản: (1) *Về quân sự*, ngừng bắn đồng thời ở Việt Nam, Lào, Campuchia; lấy vĩ tuyến 16 làm ranh giới tạm thời hai miền Nam Bắc Việt Nam; không đưa bộ đội, nhân viên quân sự mới vào khu vực này sau khi ngừng bắn, không có căn cứ quân sự nước ngoài và liên minh quân sự. (2) *Về chính trị*, thỏa thuận thời hạn tổng tuyển cử ở Việt Nam; vấn đề Việt Nam gia nhập Liên hiệp Pháp sau khi thống nhất. (3) *Về phương châm đàm phán*, chủ động giành lấy đình chiến ở 3 nước Đông Dương, tích cực thúc đẩy và chủ động đưa ra các phương án để giải quyết vấn đề.

Trong 10 ngày cuối của quá trình đàm phán tại Hội nghị Genève, từ ngày 10 đến 20 tháng 7 năm 1954, hàng loạt vấn đề đặt ra phải thương lượng để đi đến các giải pháp cụ thể. Việt Nam, đã tiến hành đàm phán tay đôi, tay ba với các đoàn Anh, Pháp, Liên Xô, Trung Quốc và đại diện Thủ tướng Ấn Độ. Xuất phát từ truyền thống yêu chuộng hòa bình, theo xu thế chung giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng thương lượng, mặt khác đoàn đàm phán của Việt Nam cũng gặp khó khăn trước sự dàn xếp của các nước lớn, nên đã chấp nhận giải pháp: các nước tôn trọng quyền độc lập cơ bản của nhân dân Việt Nam, nhân dân Lào, nhân dân Campuchia, ngừng bắn đồng thời ở Việt Nam và trên toàn cõi Đông

Dương, Pháp rút quân, đường giới tuyến tạm thời là vĩ tuyến 17; thời hạn tổ chức tổng tuyển cử ở Việt Nam là 2 năm; xác định khu vực đóng quân tạm thời cho Pathét Lào; các lực lượng kháng chiến Campuchia sẽ giải ngũ hoặc tham gia vào các lực lượng cảnh sát địa phương. Trong đêm 20/7/1954, ba Hiệp định về đình chiến sự ở Việt Nam, Lào, Campuchia được ký kết.

Các bên tham gia Hội nghị Genève với những quan điểm và mục tiêu khác nhau, nhưng cuối cùng đã thống nhất được những điều khoản là do các bên đã tìm được mẫu số lợi ích chung, cùng nhau thỏa hiệp, mỗi bên có được cái tối thiểu cần đạt được. *Đối với Pháp*, khi Hiệp định được ký kết, Pháp tránh được cuộc thất trận nặng nề, cứu vãn được quân đội viễn chinh Pháp để đưa về nước. Pháp đã giành được một giải pháp danh dự, báo Le Figaro viết “đã thắng lợi ở cuộc đấu tranh trong những điều kiện cực kỳ khó khăn...”; *Đối với Mỹ*, Hiệp định Genève, Mỹ đã tránh được một cuộc can thiệp quân sự để cứu Pháp, khỏi mang tiếng ủng hộ chiến tranh thực dân. Tiếp tục tranh thủ Anh, Pháp ủng hộ mình trong việc tổ chức Hiệp ước phòng thủ Đông Nam Á, Mỹ đã tiến một bước dài trong việc gạt Pháp, nắm miền Nam Việt Nam và chuẩn bị cho việc có mặt ở Lào và Campuchia; *Đối với Liên Xô*, sau Hiệp định Genève, vị thế Liên Xô trên trường quốc tế được nâng cao, phát huy có hiệu quả đường lối hòa dịu; *Đối với Trung Quốc*, ở Hội nghị Genève, Trung Quốc đã đạt được các mục tiêu chiến lược đề ra, nghiêm nhiên trở thành một trong năm cường quốc, tờ Nhân Dân nhật báo ra ngày 22/7/1954 khẳng định “Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã giành được quy chế một cường quốc trên thế giới, được quốc tế thừa nhận”. Trung Quốc đã đẩy được Mỹ ra xa, có các nước láng giềng làm khu đệm, lại tạo được một Đông Dương đa dạng mà Trung Quốc có khả năng quan hệ và ảnh hưởng. Mặt khác, Trung Quốc đã mở rộng và tăng cường thêm quan hệ trên các mặt với Pháp, Anh, Đức, Ý, Thụy Sĩ, Bỉ; *Đối với Việt Nam*, bản Hiệp định bao

gồm 6 loại điều khoản với tổng số 47 điều đã công nhận những quyền cơ bản của nước Việt Nam là độc lập dân tộc, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, xác lập cơ sở pháp lý để quân và dân ta tiếp tục đấu tranh. Hội nghị Genève đã đánh dấu một trong những thắng lợi vĩ đại của nền ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

3. Những bài học rút ra từ Hội nghị Genève năm 1954 về xử lý mối quan hệ với đồng minh, nước lớn

Một là, đánh giá chính xác tình hình quốc tế, nhất là thái độ của các nước lớn trong hoạt động đối ngoại, chọn đúng mục tiêu, nhân nhượng có nguyên tắc

Qua Hội nghị Genève cho thấy Việt Nam đã không đánh giá sai tình hình quốc tế, không đánh giá sai các đối tác và đã hiểu đúng chính sách của họ. Phải khẳng định rằng, việc ký Hiệp định Genève là một giải pháp chiến lược của Việt Nam, bởi trong tình thế cấp bách, đấu tranh cho một nền hòa bình và chấp nhận một giải pháp như vậy là một sự lựa chọn rất khôn khéo, đúng đắn, sáng suốt. Chính sự lựa chọn đó, trước mắt giúp cho dân tộc Việt Nam tạm đẩy lùi hiểm họa của một cuộc chiến tranh đang lên cơn nóng từ phía Mỹ. Mặt khác Việt Nam vẫn giữ được quan hệ tốt đẹp với Liên Xô, Trung Quốc, thắt chặt quan hệ với Lào và Campuchia.

Kết quả cuối cùng được thể hiện trong Hiệp định Genève so với giải pháp 8 điểm mà Việt Nam đưa ra ban đầu có khoảng cách đáng kể, thậm chí chứa đựng nhiều hạn chế. Nhưng đây là những khoảng cách và hạn chế không thể tránh khỏi trong thời điểm lịch sử cụ thể. Mỗi lần nhân nhượng, thỏa hiệp Đảng đều cân nhắc kỹ, luôn thực hiện “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”, kiên định về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, luôn giữ mục tiêu. Những mục tiêu Việt Nam chọn về cơ bản đã được Pháp và các nước lớn khác phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam là: độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ và thống nhất nước nhà, điều mà 9 năm trước tại Hiệp định sơ bộ

06/3/1946, Pháp không chịu công nhận, mới chỉ công nhận Việt Nam là nước tự do, nên không tạo được cơ sở pháp lý lâu bền, Việt Nam phải chấp nhận để Pháp đưa quân ra miền Bắc.

Với Hiệp định Genève Pháp và các nước đã công nhận các quyền dân tộc cơ bản, đây chính là cơ sở về pháp lý và cả về đạo lý để nhân dân ta để nhân dân ta đấu tranh chống Mỹ suốt hơn hai thập kỷ sau đó; là cơ sở để lên án, tố cáo Mỹ; là cơ sở để đoàn kết nhân dân Đông Dương trong sự nghiệp chung; là cơ sở để tập hợp lực lượng và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế. Bài học quý này sẽ tiếp tục phát huy giá trị trên con đường hội nhập quốc tế đầy thời cơ và thách thức đan xen như hiện nay, Việt Nam phải luôn kiên định mục tiêu, nguyên tắc chiến lược, nhưng hết sức mềm dẻo trong từng sách lược cụ thể; coi giáo dục, thuyết phục, chủ động phòng ngừa và kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm, thường xuyên nắm chắc tình hình xử lý kịp thời các tình huống xâm phạm đến độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia.

Hai là, không được mơ hồ về mục tiêu, lợi ích và ý đồ chiến lược của các nước lớn, ngay cả khi có nước lớn cùng chung chế độ xã hội chủ nghĩa

Năm nước tham dự Hội nghị Genève thuộc hai phe, hai hệ thống đối lập nhau. Một bên là các nước xã hội chủ nghĩa gồm Liên Xô, Trung Quốc, bên kia là các nước tư bản, đế quốc gồm Mỹ, Pháp, Anh. Theo logic hình thức thì sự ủng hộ của Liên Xô và Trung Quốc đối với Việt Nam dân chủ cộng hòa là tất yếu và vô điều kiện, song ngay từ đầu những quan điểm, lập trường và giải pháp về vấn đề chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương giữa các nước lớn theo chế độ xã hội chủ nghĩa đã không trùng quan điểm, lợi ích của Liên Xô và đặc biệt là của Trung Quốc không hoàn toàn đồng nhất với lợi ích của Việt Nam, sự dàn xếp, thỏa hiệp giữa các nước lớn làm phương hại đến lợi ích của dân tộc Việt Nam cũng như của nhân dân hai nước Lào và Campuchia. Những điều mà Việt Nam tưởng như không thể xảy ra lại đã xảy ra cách

đây 60 năm, nhưng hiện nay vẫn còn có khả năng tái diễn.

Cách đây 60 năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã rất tinh táo, sắc bén, nắm bắt thấu đáo tình hình và xác định mục tiêu, lợi ích quốc gia có sức chi phối rất lớn đối với lập trường, quan điểm của lãnh đạo Trung Quốc về vấn đề Đông Dương. Từ đó, Việt Nam đã bình tĩnh trước những chủ trương do lãnh đạo Trung Quốc tự ý dàn xếp với các nước tư bản, đế quốc tham dự Hội nghị, mặt khác Việt Nam vừa tích cực, linh hoạt, kiên trì đấu tranh, giữ vững quan điểm lập trường, tranh thủ sự giúp đỡ của Liên Xô và Trung Quốc.

Ba là, xử lý đúng mối quan hệ giữa thế và lực, chú trọng *tăng cường thực lực của đất nước, tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động đối ngoại, bảo vệ độc lập, chủ quyền đất nước*

Lực: là sức mạnh tổng hợp về kinh tế, quân sự, tinh thần, vị thế...; Thế: là uy tín, vai trò của mình. Trong đó, lực quyết định thế, thế tạo điều kiện để lực phát triển. Hồ Chí Minh từng nói: “Thực lực mạnh ngoại giao thắng lợi. Thực lực là cái chiêng. Ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to thì tiếng mới lớn”³. Sẽ không thể giành thắng lợi trên bàn đàm phán nếu không có thực lực về kinh tế, chính trị, quân sự và thắng lợi trên chiến trường. Chính vì vậy, muốn nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại thì phải phát huy tối đa nội lực của đất nước. Sự hỗ trợ từ bên ngoài bao giờ cũng đáng quý và cần được khai thác triệt để, nhưng không bao giờ có thể thay thế được thực lực về kinh tế, quân sự, pháp lý, chính trị, khoa học... của đất nước. Vì thế, xây dựng lực lượng và bồi đắp thực lực là việc tối cần thiết, quyết định chính đến sự thành bại của công cuộc bảo vệ độc lập, chủ quyền của quốc gia.

Trên thực tế, cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền không chỉ giới hạn trong lĩnh vực quân sự, mà còn diễn ra đồng bộ và rộng khắp trong các mặt trận chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, văn hóa,

³ Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, Nxb CTQG, Hà Nội, 2000, tr. 126.

học thuật... Vì thế, phát triển thực lực cần phải phải lưu ý phát triển đồng bộ trong tất cả các lĩnh vực này. Thực lực cũng không nên chỉ được xét đơn thuần ở khía cạnh vật chất, mà cần bao gồm cả những yếu tố tinh thần như truyền thống lịch sử, tinh thần ái quốc, nghệ thuật quốc phòng toàn dân, những bài học dựng nước và giữ nước mà cha ông để lại. Chính những yếu tố tinh thần này đã giúp Việt Nam bao phen vượt qua những kẻ thù mạnh gấp bội trong lịch sử. Cho nên, sức mạnh tinh thần là một thành phần quan trọng của thực lực và cần được nuôi dưỡng, bồi đắp không ngừng.

Trong xu thế toàn cầu hóa, vừa có những mặt thuận lợi vừa có nhiều vấn đề trắc ẩn, thì quan hệ đối ngoại không chỉ là ra sức tranh thủ thuận lợi cho sự phát triển của đất nước mà còn phải tích cực và chủ động góp phần giữ gìn hòa bình và an ninh quốc tế, góp phần xây dựng trật tự chính trị, kinh tế quốc tế dân chủ, công bằng. Cho dù các cường quốc có nhiều khả năng chi phối, nhưng biện chứng của quan hệ quốc tế là ở chỗ: các nước nhỏ bằng những nỗ lực của chính mình có thể tác động trở lại. Sự phối hợp của Việt Nam với các nước trong khu vực, xây dựng một cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh là cơ sở để phát huy thế chủ động, cùng tranh thủ những điều kiện thuận lợi, đồng thời hợp tác để vượt qua những thử thách do tình hình quốc tế mang lại, nhằm giữ vững chủ quyền, hòa bình, ổn định và phát triển.

Bốn là, tích cực, chủ động vừa hợp tác, vừa đấu tranh trong quan hệ với các nước lớn, chú trọng *tăng cường đối thoại và hợp tác, giữ vững ổn định và cùng phát triển*

Trong quan hệ với các nước lớn không quan niệm cứng nhắc cho rằng nước Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo không thể có quan hệ hợp tác với các nước Tư bản chủ nghĩa và cũng thật là ấu trĩ nếu xác định trong quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa khác chỉ có hợp tác mà không có đấu tranh vì quyền lợi dân tộc. Trong thực tiễn, hai thái cực sai lầm này đều được khắc phục ngay từ đầu Hội nghị

Genève, chính trong Hội nghị Genève Việt Nam đã vượt lên trên mọi khuôn mẫu mang tính giáo điều của tư duy và hoạt động đối ngoại phân phe, phân tuyến rất đặc trưng của thời kỳ chiến tranh lạnh, phương châm kết hợp hợp tác và đấu tranh đã được Việt Nam vận dụng có hiệu quả trong và sau Hội nghị Genève, tạo ra phong cách linh hoạt đặc sắc của ngoại giao Việt Nam.

Tình hình thế giới những năm gần đây có nhiều biến đổi sâu sắc, sự phát triển kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh của một quốc gia, dân tộc hay một khu vực đều đan xen những ảnh hưởng và lợi ích của nhiều quốc gia, dân tộc khác. 60 năm đã trôi qua, bài học quý này giúp Việt Nam nhìn nhận rõ hơn những vấn đề đặt ra đối với nhận thức về quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh, bạn, thù hay đối tác, đối tượng là một trong những yêu cầu đặc biệt quan trọng và cấp thiết. Trong đó, Đảng ta luôn khẳng định những ai chủ trương tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác của Việt Nam mà Việt Nam cần phải hợp tác và bất kể thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xâm phạm đến chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta đều là đối tượng đấu tranh. Việt Nam, xác định rõ ba dạng đối tượng: đối tượng đối lập về ý thức hệ có âm mưu tập trung xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; đối tượng vì lợi ích dân tộc hẹp hòi đang có tham vọng về chủ quyền lãnh thổ nước ta; đối tượng có thể bị chuyển hóa bởi sự thao túng của nước lớn có âm mưu chống phá Việt Nam. Kế thừa bài học trong lịch sử, kết hợp với tư duy mới của Đảng về bảo vệ Tổ quốc, khắc phục được hạn chế của tư duy cũ, không cứng nhắc, làm cản trở hội nhập, hợp tác, không mơ hồ, mất cảnh giác; vừa giữ nguyên tắc, vừa đủ linh hoạt, được xem như cảm nang “đĩ bất biến” để ứng với “vạn biến” trong quan hệ, xử lý các tình huống chiến lược, tạo được sự đan xen lợi ích chiến lược, giữ vững và củng cố

môi trường hòa bình, ổn định, tạo thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

4. Kết luận

Hội nghị Genève về Đông Dương năm 1954 là một diễn đàn quốc tế đa phương theo đúng luật chơi quốc tế, các nước lớn vừa là đạo diễn, vừa là diễn viên chính. Việt Nam tham gia với tư cách là một bên tham chiến, giành thắng lợi trên chiến trường, song do sự chi phối của các nước lớn nên gặp không ít khó khăn trong việc phát huy thế thắng trên chiến trường, khó giành thế chủ động trong đàm phán. Nhưng với sự nhạy bén, sáng suốt trong xử lý, Việt Nam đã giành thắng lợi to lớn trên mặt trận ngoại giao, xử lý thỏa đáng mối quan hệ với các nước lớn tham gia Hội nghị, qua đó cho Việt

Nam những bài học mang dấu ấn của sự nhạy bén chính trị, linh hoạt trong xử lý cách đây 60 năm là cơ sở quý báu cho nền ngoại giao Việt Nam hiện nay.

Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh. Đạt được những thành tựu đối ngoại to lớn ngày nay là nhờ nhiều yếu tố, trong đó có sự vận dụng thành công bài học xử lý linh hoạt mối quan hệ với các nước lớn ở Hội nghị Genève 60 năm về trước.

Vietnam’s flexible approach to handle the relations with world powers at the Geneva Conference in 1954

- **Pham Hong Kien**
- **Ngo Hong Diep**

Thu Dau Mot University of Binh Duong Province

ABSTRACT:

The 1954 Geneva Conference on Indochina is an international multilateral forum. Vietnam, participating in the forum dominated by world powers, had many difficulties taking advantage of the victory on the battlefield to have the upper hand in negotiations. However, our Party properly assessed the situation so that we

could flexibly handle the relations with big powers participating in the conference to bring us great victory on the diplomatic front, which left many valuable lessons to Viet Nam’s foreign affairs, especially in dealing with major powers.

Keywords: Vietnam, The 1954 Geneva Conference, big powers

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, Nxb CTQG, Hà Nội, 2000.

[2]. Khắc Huỳnh (2004), Hiệp định Genève sau 50 năm nhìn lại và suy ngẫm, *Tạp chí Lịch sử quân sự* số 7/2004.

[3]. *Tạp chí Pháp*, Historia Special, số 28.

[4]. Phạm Hồng Kiên (2014), Trung Quốc ở hội nghị Genève năm 1954- Sáu mươi năm nhìn lại và suy ngẫm, *Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc* số 6/2014.

[5]. Vũ Quang Hiên (2007), Hiệp định Genève- 50 năm nhìn lại, *Tạp chí Lịch sử Đảng* số 7/2007.

[6]. Trần Thị Kim Ngân Dịch từ báo sự thật (Pravda) (2007), Hội nghị Genève giữa ngoại trưởng các nước đã kết thúc, *Tạp chí Lịch sử Đảng* số 7/2007.

[7]. *Sự thật quan hệ Việt Nam- Trung Quốc trong 30 năm qua*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1979.